TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN QUAN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày 29-7-2020
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, yêu cầu di dời tài sản và bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Thanh Hiếu

Ông Nông Hồng Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Chung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 29 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2019/TLST-DS ngày 27/12/2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, yêu cầu di dời tài sản và bồi thường thiệt hại về tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-DS ngày 03/6/2020, Thông báo chuyển ngày xét xử số 01/TB-TA ngày 19/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST-DS ngày 29/6/2020, quyết định tạm ngưng phiên tòa số 02/QĐST-DS ngày 28/7/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nông Thị K, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nông Văn T, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Liễu Quang Trung, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bà Chu Thị T, sinh năm 1990. Có mặt

3. Bà Liễu Thị Q, sinh năm 1996. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà Chu Thị T, bà Liễu Thị Q: Bà Nông Thị K, sinh năm 1962, cùng nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (theo văn bản ủy quyền ngày 27/02/2020). Có mặt.

4. Bà Nông Thị S, sinh năm 1986. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nông Thị S: Ông Nông Văn T, sinh năm 1985, cùng nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (theo văn bản ủy quyền ngày 09/3/2020). Có mặt.

5. Bà La Thị B, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

6. Bà Nông Thị L, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn A, xã Th, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

7. UBND xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện hợp pháp: Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Thế Cường - Chủ tịch UBND xã L, vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn N – Công chức địa chính xã L, huyện V (theo giấy ủy quyền ngày 29/6/2020). Có mặt

- *Người làm chứng*:

1. Ông Lương Văn T. Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

2. Ông Lương Văn T1. Nơi cư trú: Thôn K1, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

3. Ông Lương Văn C. Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

4. Ông Lương Thanh Q. Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

5. Ông Liễu Văn C. Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

6. Bà Hoàng Thị C. Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

7. Bà Chu Thị X. Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Ông Lương Văn M. Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

9. Ông Liễu Văn M. Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

10. Bà Liễu Thị I. Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

11. Bà Bế Thị N. Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

12. Bà Nông Thị L. Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Có mặt

13. Bà Nông Thị T. Nơi cư trú: Khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

14. Bà Nông Thị L. Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương. Có mặt

15. Bà Nông Thị K. Nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

16. Bà Nông Thị C. Nơi cư trú: Thôn K, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

17. Ông Nông Thanh T. Nơi cư trú: Thôn T, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2019, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 23/12/2019 và các lời trình bày tiếp theo, nguyên đơn Nông Thị K trình bày:

Bà Nông Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp đất đai với bị đơn Nông Văn T, yêu cầu được quản lý diện tích đất 722,6m^2 thuộc thửa số 367, tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 xã V (nay là xã L), huyện V (gọi tắt tờ bản đồ số 01) và yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại về tài sản 108 cây keo bị chặt và thiệt hại về đất với số tiền là 40.800.000 đồng. Theo nguyên đơn, nguồn gốc đất tranh chấp này là do ông cha để lại cho chồng bà là Liễu Văn P (chết năm 2017). Năm 1985 do hoàn cảnh khó khăn nên ông Liễu Văn La (bố của ông Liễu Văn P) đã bán khu đất cho ông Chu Văn X là người thôn K, xã L, huyện V. Đến năm 2000, ông Liễu Văn P và bà Nông Thị K mua lại mảnh đất rừng trên từ ông Chu Văn X với giá 450.000 đồng, lúc mua thì trên rừng đã có lác đác cây hồi trước đây ông Chu Văn X quản lý. Tháng 01/2000, ông Liễu Văn P nhận khoán trồng rừng phòng hộ với Lâm trường huyện Văn Quan, được phát 500 cây hồi và 410.000 đồng tiền phân bón để trồng dặm hồi trên mảnh đất rừng này và quản lý cho đến nay. Năm 2004 Điện lực Lạng Sơn làm đường điện cao thế đi qua khu rừng này thì gia đình bà Nông Thị K đã được bồi thường 520.000 đồng do thiệt hại 01 cây hồi và 05 cây gỗ tạp. Năm 2008 – 2009 Điện lực Lạng Sơn làm tiếp đường điện cao thế Việt Yên - Phú Mỹ thì gia đình bà Nông Thị K lại được bồi thường 26.000.000 đồng do bị chặt phá cây cối trên khu đất tranh chấp này để trồng cột điện và làm đường điện. Năm 2012 thì Nông Văn T phát hết cây hồi con và trồng bạch đàn xuống khu đất tranh chấp, ông Liễu Văn P đã báo Trưởng thôn đến lập biên bản và gửi đơn khiếu nại đến UBND huyện V nhưng không thấy giải quyết. Năm 2017, sau khi ông Liễu Văn P chết, bà Nông Thị K thuê người đi phát rừng để trồng keo và đến tháng 4/2018 thì bà Nông Thị K được UBND xã phát 2000 cây keo để trồng xuống khu đất với khoảng cách 2m/1cây. Tháng 2/2019 ông Nông Văn T cùng vợ là Nông Thị S đã lên rừng chặt phá đi 108 cây keo của bà Nông Thị K và tranh chấp khu đất.

Ngày 06/3/2020, Tòa án nhân dân huyện Văn Quan đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ xác định diện tích đất tranh chấp là 1074,2m^2, trong đó có 634m^2

thuộc thửa 367; 403,6 m^2 thuộc thửa 379 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01; 29,1m^2 thuộc thửa 46, 7,5m^2 thuộc thửa 47 tờ bản đồ địa chính số 20 xã Việt Yên, huyện Văn Quan. Trên đất tranh chấp có 25 cây keo do bà Nông Thị K trồng năm 2018, 19 cây bạch đàn do Nông Văn T trồng năm 2012, 3 cây sau sau và 01 cây khảo cài mọc tự nhiên, 01 miếu thổ công do gia đình Nông Văn T xây dựng. Ngày 29/9/2020 xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung xác định trên đất có 11 cây chè già (06 cây nằm trong thửa số 379, 05 cây nằm trong thửa 367). Tại kết luận giám định tư pháp ngày 30/3/2020, công văn bổ sung kết luận giám định tư pháp ngày 26/6/2020 xác định: đối chiếu giữa bản đồ lâm nghiệp số 01 với bản đồ địa chính số 20 thì phần diện tích 29,1m^2 thuộc thửa 46, 7,5m^2 thuộc thửa 47 tờ bản đồ địa chính số 20 nằm trong thửa 379 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 (toàn bộ thửa 46 và thửa 47 tờ bản đồ địa chính số 20 nằm trọn trong thửa 379 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01). Thửa 46, 47 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nông Văn T và bà Nông Thị S số BE 313374 ngày 08/11/2010 và số BE313376 ngày 06/12/2010. Đối chiếu với bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1999 thì toàn bộ diện tích đất tranh chấp 1074,2m^2 nằm trong thửa 89 tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp xã Việt Yên năm 1999, đã được UBND huyện V giao đất cho ông Chu Văn X theo quyết định số 520/QĐ-UB ngày 17/12/1999, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Chu Văn X số GCN 0013, số seri 0230083 (không rõ ngày cấp). Ngày 16/7/2020 UBND huyện V đã có quyết định số 2466/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN 0013, số seri 0230083 của ông Chu Văn X.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2020 và tại phiên tòa, bà Nông Thị K rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 36,6m^2, bao gồm: 29,1m^2 thuộc thửa 46, 7,5m^2 thuộc thửa 47 tờ bản đồ địa chính số 20 và tài sản trên đất có 01 cây sau sau. Nguyên đơn chỉ yêu cầu được quản lý diện tích đất tranh chấp là 1037,6 m^2 và 25 cây keo do bà Nông Thị K trồng, 02cây sau sau, cây khảo cài mọc tự nhiên và các cây chè; buộc ông Nông Văn T di dời 01 miếu thổ công và 19 cây bạch đàn do ông Nông Văn T trồng, bồi thường thiệt hại 108 cây keo bị chặt phá với tổng số tiền là 864.000 đồng. Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, giám định bản đồ với tổng số tiền là 12.673.000 đồng nguyên đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong các bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa ông Liễu Quang Trung, bà Chu Thị T, bà Liễu Thị Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn thống nhất với ý kiến trình bày của bà Nông Thị K.

Bị đơn Nông Văn T trình bày: Thửa đất rừng này gia đình ông Nông Văn T đã quản lý từ trước năm 1985, trồng cây bông và hoa màu. Năm 1985 bố mẹ Nông Văn T là ông Nông Văn Tháy và bà La Thị B đã làm nhà ra khu đất này để ở riêng, khi làm nhà có xây dựng một miếu thổ công riêng của gia đình ở gốc cây sau sau trong khu đất tranh chấp hiện nay. Bố mẹ Nông Văn T đã quản lý khu đất từ năm 1985, phía sau nhà ở thì trồng cây ngô, sắn, khoai lang cho đến gốc cây sau sau cạnh miếu thổ công, ngang qua gốc cây sau sau bên trái (nay đã chết) và kéo dọc xuống đường bê tông, cách cây khảo cài đang tranh chấp hiện nay 3,5m. Năm 1992 ông Nông Văn Tháy chết, năm 1994 mẹ đi lấy chồng mới, ông Nông Văn T tiếp tục quản lý khu đất và được ông nội, các cô chú giúp trồng

hoa màu ngô, khoai, đỗ trong khu đất của gia đình. Năm 1998 – 1999 khi nhà nước đắp đập Bó Kheo đã san bằng một phần đất ngay sau nhà ở của Nông Văn T như hiện nay. Năm 2009 Nông Văn T đã kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 46 và thửa 47 tờ bản đồ địa chính số 20. Đến năm 2012 Nông Văn T được UBND xã Việt Yên phát cho 500 cây bạch đàn để trồng xuống khu đất tranh chấp hiện nay, lúc trồng cây không có ai tranh chấp. Đến năm 2017 bà Nông Thị K tự ý cho người đến phát hết rừng bạch đàn của Nông Văn T và đến tháng 4/2018 thì bà Nông Thị K tiếp tục trồng keo xuống khu đất tranh chấp, Nông Văn T đã yêu cầu Trưởng thôn đến lập biên bản nhưng bà Nông Thị K vẫn cố tình trồng cây. Vì vậy ông Nông Văn T đã phát đi một số cây keo do bà Nông Thị K trồng trái phép trên đất tranh chấp. Do đó, Nông Văn T không nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị K, yêu cầu được quản lý toàn bộ diện tích đất tranh chấp và các tài sản trên đất gồm 19 cây bạch đàn, 11 cây chè, 03 cây sau sau và 01 cây khảo cài, 01 miếu thổ công; yêu cầu bà Nông Thị K phải di dời 25 cây keo ra khỏi diện tích đất tranh chấp.

Tại Bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nông Thị S, bà La Thị B, chị Nông Thị L thống nhất với ý kiến của bị đơn Nông Văn T như trên và đề nghị giao cho Nông Văn T quản lý toàn bộ khu đất tranh chấp và các tài sản trên đất do ông Nông Văn T tạo lập.

Ông Hà Văn N là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 1074,2m^{2,} trong đó có 634m^2 thuộc thửa 367 bị đơn Nông Văn T đứng tên sổ mục kê, 440,2m^2 thuộc thửa 379 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 xã Việt Yên có 29,1m^2 trùng với thửa 46, 7,5m^2 trùng với thửa 47 tờ bản đồ địa chính số 20 xã Việt yên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nông Văn T và bà Nông Thị S năm 2010, chỉ có 403,6m^2 đất thuộc thửa 379 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 chưa được giao đất, chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai, chưa có ai đăng ký sử dụng đất, thực tế nguyên đơn, bị đơn đang quản lý, canh tác xen lẫn nhau. Toàn bộ phần đất này không quy hoạch xây dựng công trình công cộng hoặc phát triển kinh tế xã hội của địa phương, có thể giao quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân theo quy định; tài sản có trên đất được phép tồn tại. UBND xã L không yêu cầu được quản lý, sử dụng đất mà đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn quan, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng, thu thập tài liệu chứng cứ đúng trình tự thủ tục, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện

đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật nên Viện kiểm sát không có đề nghị, kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa như Kết luận giám định tư pháp ngày 30/3/2020, công văn bổ sung kết luận giám định ngày 26/6/2020, lời khai của các đương sự, của người làm chứng, có đủ căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về đất và tài sản gắn liền với đất. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản vì không có căn cứ. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với 29,1m^2 thuộc thửa 46, 7,5m^2 thuộc thửa 47 tờ bản đồ địa chính số 20 do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Đối với chi phí tố tụng và án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Quan hệ tranh chấp trong vụ án là Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất và bồi thường thiệt hại về tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan theo quy định tại khoản 2,6,9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Người làm chứng ông Lương Văn T, Lương Văn T1, Lương Văn C, Lương Thanh Q, Lương Văn M, Liễu Văn M, Nông Thanh T; bà Chu Thị X, Liễu Thị I, Bế Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, có người vắng mặt không lý do, có người có đơn xin xét xử vắng mặt, tuy nhiên đều đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án. Theo quy định tại Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người làm chứng nêu trên.

[4] Nguyên đơn yêu cầu triệu tập ông Liễu Văn Toàn là người làm chứng nhưng ông Liễu Văn Toàn từ chối tham gia tố tụng; ngoài ra Tòa án có xác minh lấy lời khai ông Liễu Quốc Thắng có đất giáp ranh với đất đang tranh chấp nhưng ông Liễu Quốc Thắng từ chối là người làm chứng, lấy lời khai bà Liễu Thị Vảy, ông Liễu Văn Giang nhưng những người này đều không biết rõ nguồn gốc, ranh giới, mốc giới diện tích đất tranh chấp nên Tòa án không đưa những người này tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng.

[5] Về đất tranh chấp, bên nguyên đơn cho rằng diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 367 nguyên đơn đang quản lý, bị đơn cho rằng diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 47 bị đơn đang quản lý. Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kết luận giám định tư pháp đã xác định diện tích đất tranh chấp 1074,2m^2 chỉ có 634m^2 thuộc thửa 367 và 29,1m^2 thuộc thửa 46, 7,5m^2 thuộc thửa 47, còn 403m^2 thuộc thửa 379 tờ bản đồ số 01 thì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai, chưa có ai kê khai sử dụng đất. Thửa 367 do Nông Văn T đứng tên sổ mục kê

nhưng Nông Văn T không thừa nhận mình được đăng ký mục kê thửa 367. Thửa 46, 47 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nông Văn T và bà Nông Thị S năm 2010. Các bên đương sự đều nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả đo vẽ của cơ quan chuyên môn và kết luận giám định ngày 30/3/2020, công văn bổ sung kết luận giám định ngày 26/6/2020, không có khiếu nại, kiến nghị gì.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 29,1m^2 thuộc thửa 46 và 7,5m^2 thuộc thửa 47 tờ bản đồ địa chính số 20, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nông Văn T và bà Nông Thị S cùng các tài sản trên phần đất này. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần diện tích đất tranh chấp này.

[7] Về nguồn gốc đất tranh chấp, các bên đương sự đều cho rằng đất tranh chấp cho ông cha để lại nhưng không có giấy tờ gì chứng minh. Bên nguyên đơn cung cấp giấy tờ mua bán rừng hồi Cốc Đứa giữa ông Chu Văn X và ông Liễu Văn P (chồng nguyên đơn) được UBND xã Việt Yên xác nhận ngày 12/5/2000, tuy nhiên giấy tờ mua bán không ghi số lô, số thửa, tờ bản đồ, diện tích, ranh giới, mốc giới, các phía tiếp giáp. Nguyên đơn bà Nông Thị K thừa nhận khi mua bán rừng hồi bà Nông Thị K không có mặt mà chỉ có mặt ông Liễu Văn P. Lời khai của người làm chứng Lương Thanh Q xác nhận ngày 12/5/2000 được chứng kiến và xác nhận việc mua bán rừng hồi giữa ông Chu Văn X và ông Liễu Văn P, lập giấy tờ mua bán tại nhà của ông Chu Văn X, không lên rừng chỉ ranh giới, mốc giới, không đo đạc diện tích. Lời khai của người làm chứng Lương Văn T1 (con trai ông Chu Văn X) khẳng định bố ông là Chu Văn X trước đây có mua rừng hồi của ông Liễu Văn P và trực tiếp quản lý rừng hồi. Ông Lương Văn T1 chỉ thi thoảng mới lên rừng giúp thu hái hồi. Ngày 12/5/2000 ông Lương Văn T1 được ký giấy bán lại rừng hồi cho ông Liễu Văn P, ông Chu Văn X không ký vì không biết chữ. Như vậy, việc bên nguyên đơn mua rừng hồi có địa danh Cốc Đứa, thôn Khòn Coọng, xã Việt Yên, huyện Văn Quan với ông Chu Văn X là có thật nhưng không xác định được diện tích, ranh giới, mốc giới, số lô, số thửa, tờ bản đồ. Từ khi mua đất cho đến nay, bên nguyên đơn cũng chưa đăng ký kê khai sử dụng đất, chưa kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

[8] Bên bị đơn cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp do ông nội bị đơn chia cho bố mẹ bị đơn quản lý, sử dụng từ năm 1985 nhưng không có giấy tờ gì. Bị đơn và những người liên quan phía bị đơn đều thừa nhận phần đất gia đình bị đơn quản lý giáp với đất ông Chu Văn X. Trên đất bố mẹ bị đơn đã xây nhà năm 1985 ở phía Nam khu đất giáp đường bê tông và xây dựng 01 miếu thổ công phía bắc khu đất ngay cạnh gốc cây sau sau giáp thửa 378 của ông Liễu Quốc Thắng. Khi đo đạc bản đồ địa chính và bản đồ lâm nghiệp, bị đơn đã chỉ cho Trưởng thôn là ông Liễu Văn Hoán (đã chết) về ranh giới đất của gia đình. Bị đơn tưởng rằng phần đất rừng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 47 tờ bản đồ số 20 nên không khiếu nại gì. Bị đơn thừa nhận ngoài phần diện tích 634m^2 đang tranh chấp thì toàn

bộ phần diện tích còn lại của thửa 367 đều do bà Nông Thị K quản lý, sử dụng. Ngoài lời khai của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn và lời khai người làm chứng là cô, chú, bác của bị đơn thì không có căn cứ nào khác để chứng minh diện tích, ranh giới, mốc giới phần đất của bị đơn.

[9] Về quá trình quản lý sử dụng đất, bên nguyên đơn tại biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2020 khai rằng từ năm 1995 đến năm 2000 ông Chu Văn X trồng ngô, khoai, sắn đến sát nhà Nông Văn T, tại phiên tòa khai rằng ông Chu Văn X chỉ trồng sắn năm 2000 – 2001 từ tà luy trở lên và một phần dọc đường bê tông từ rừng ông Lương Văn T1 đến qua cây khảo cài đang tranh chấp. Từ năm 2000 gia đình nguyên đơn đã quản lý và trồng hồi từ khu vực tà luy đang tranh chấp hiện nay trở lên. Nguyên đơn thừa nhận miếu thổ công do gia đình bị đơn xây dựng nhưng không biết xây dựng từ khi nào, đến vài năm gần đây mới phát hiện có miếu thổ công do khu vực miếu thổ công rậm rạp, nguyên đơn không đi đến bao giờ nên không biết. Điều này mâu thuẫn với lời khai nguyên đơn, bởi nếu nguyên đơn trồng hồi toàn bộ khu đất tranh chấp và ông Chu Văn X trồng khoai, sắn từ tà luy trở lên, phần đất gần tà luy rất gần miếu thổ công nên không thể không đến khu vực này bao giờ, không thể không biết có miếu thổ công. Nguyên đơn cũng khai mâu thuẫn về thời gian ông Chu Văn X trồng hoa màu và vị trí trồng hoa màu. Điều đó thể hiện nguyên đơn không trực tiếp quản lý, canh tác đến khu vực có miếu thổ công.

[10] Bên nguyên đơn xác nhận ngoài thửa đất rừng mua lại của ông Chu Văn X, gia đình nguyên đơn không còn mảnh đất rừng nào nhưng không lý giải được tại sao ngày 12/5/2000 gia đình nguyên đơn mua lại rừng hồi của ông Chu Văn X nhưng đã được ký hợp đồng trồng rừng phòng hộ với Lâm trường Văn Quan từ 25/01/2000. Bà Nông Thị K khai một mình ông Liễu Văn P ký hợp đồng với Lâm Trường Văn Quan nên bà không biết, bà cũng không được Lâm trường Văn Quan chỉ cho khu đất giao khoán. Tại biên bản xác minh ngày 26/5/2020 Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Văn Quan trả lời không tìm thấy hồ sơ rừng phòng hộ xã Việt Yên và không xác định được lô L-4-255B ông Liễu Văn P được khoán trồng rừng phòng hộ là vị trí nào, tại công văn số 928/UBND-TNMT ngày 26/6/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Văn Quan trả lời theo bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1999 thì thửa đất số 89 đứng tên Chu Văn X là đất rừng sản xuất, theo bản đồ lâm nghiệp số 01 thì thửa đất 367 là đất rừng sản xuất, thửa 379 là đất ONT, không phải rừng phòng hộ. Hiện nay trên đất tranh chấp không có bất cứ cây hồi nào. Bà Nông Thị K cho rằng sau khi trồng hồi thì năm 2012 Nông Văn T đã chặt phá hết nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Tại biên bản xác minh ngày 29/5/2020, Điện lực Lạng Sơn cung cấp thông tin giai đoạn 2004 – 2009 khi xây dựng lưới điện qua khu vực xã Việt Yên, Điện lực Lạng Sơn có bồi thường về tài sản trên đất bị thiệt hại khi đường điện đi qua, không bồi thường về đất, nhưng không xác định được tài sản, cây cối bị chặt hạ thuộc vị trí nào, lô thửa nào. Vì vậy, không có căn cứ để xác định gia đình nguyên đơn trồng hồi ở vị trí nào, lô, thửa nào.

[11] Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn là bà La Thị B, Nông Thị L cho rằng gia đình bị đơn trồng ngô, sắn trên phần đất tranh chấp từ năm 1985 đến năm 1998, từ năm 1998 đến năm 2012 bỏ hoang vì không có ai làm. Năm 2012 bị đơn trồng bạch đàn, vị trí trồng từ gốc cây sau sau cạnh miếu thổ công (bên phải khu đất tranh chấp) kéo thẳng ngang sang gốc cây sau sau (nay đã

chết) và dọc xuống đường bê tông bên trái khu đất tranh chấp, cách cây khảo cài đang tranh chấp khoảng 3,5m. Tại phiên tòa, bị đơn và những người làm chứng là bác, cô, chú ruột của bị đơn khai được trồng ngô, sắn từ sau nhà đến miếu thổ công, ngang qua cây chè, đến gốc cây khảo cài đã chặt, thẳng xuống cây sau sau và thẳng xuống đường bê tông. Qua xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 29/9/2020 xác định vị trí cây khảo cài và cây sau sau tại phiên tòa bị đơn khai là ranh giới thì cách xa khu đất đang tranh chấp. Như vậy, lời khai của phía bị đơn có mâu thuẫn về ranh giới quản lý, sử dụng đất nên không đủ căn cứ chứng minh ranh giới quản lý, sử dụng đất của bị đơn như phía bị đơn tự xác định.

[12] Người làm chứng Nông Thị L, Nông Thanh T, Nông Thị T, Nông Thị K, Nông Thị C, Nông Thị L là bác, cô, chú ruột của bị đơn khẳng định toàn bộ diện tích đất tranh chấp này đã được ông Nông Dũng Bảo chia cho bố bị đơn là Nông Văn Tháy từ năm 1985, các bác, chú, cô của bị đơn đều được canh tác trên đất trồng hoa màu đến miếu thổ công, trên đất có mấy cây chè do bà Nông Thị L trồng. Ông Lương Văn M khẳng định nguồn gốc đất này trước đây là của ông Liễu Văn La nhưng gia đình không quản lý được, nhiều người đến canh tác 1, 2 năm rồi bỏ, sau này ông Nông Dũng Bảo canh tác và từ năm 1985 thì cho con trai là Nông Văn Tháy làm nhà, canh tác trồng chè, sắn trên đất qua tà luy hiện nay đến một cái hủm. Ông Liễu Văn M là anh em trong họ với ông Liễu Văn P và là Trưởng thôn từ năm 2011 – 2013 cho biết trước năm 2011 đất này không có ai canh tác, năm 2012 – 2013 thôn phát cho ông Nông Văn T khoảng 200 - 300 cây bạch đàn để trồng từ tà luy trở lên. Ngày 04/8/2012 thôn được lập biên bản tranh chấp đất đai giữa ông Liễu Văn P và Nông Văn T, khi đó trong khu vực từ tà luy lên đến cây sau sau cạnh miếu thổ công không có cây hồi nào, chỉ có bạch đàn do Nông Văn T trồng. Bà Liễu Thị I, Bế Thị N, Hoàng Thị C, ông Liễu Văn C cho rằng khu đất này trước là của ông Liễu Văn La nhưng không biết ranh giới, diện tích, quá trình canh tác như thế nào. Bà Chu Thị X khẳng định khu đất tranh chấp từ trước đến nay chỉ có bụi sim, mua, không có cây hồi. Như vậy lời khai của những người làm chứng đều không xác định rõ ràng được về nguồn gốc đất và ranh giới, mốc giới thửa đất giữa nguyên đơn và bị đơn, tuy nhiên đều khẳng định trên đất tranh chấp từ trước đến nay không có cây hồi nào. Như vậy lời khai của bà Nông Thị K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn cho rằng từ năm 2000 gia đình nguyên đơn đã trồng cây hồi trên phần đất tranh chấp là không có căn cứ.

[13] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn không chứng minh được đã mua lại rừng Cốc Đứa của ông Chu Văn X diện tích, ranh giới đến đâu, số lô, số thửa, tờ bản đồ nào, không chứng minh được quá trình quản lý sử dụng đất. Lời khai của những người làm chứng do nguyên đơn đề nghị triệu tập cũng không xác định được nguyên đơn đã trồng hồi trên vị trí đất tranh chấp. Phía bị đơn không chứng minh được nguồn gốc đất, ranh giới, mốc giới quản lý sử dụng đất. Xét quá trình quản lý, canh tác khu đất tranh chấp của hai bên đương sự cũng như thực tế hiện nay không có mốc giới hoặc tài sản để phân định ranh giới sử dụng đất giữa hai bên, không bên nào có căn cứ chứng minh đã quản lý, canh tác liên tục toàn bộ diện tích đất tranh chấp. Tuy nhiên, các bên đương sự đều thừa nhận miếu thổ công do gia đình bị đơn xây dựng, lời khai của người làm chứng do nguyên đơn yêu cầu là ông Lương Văn M cũng khẳng định gia đình bị đơn trước đây có trồng khoai, sắn, chè

đến khu vực miếu thổ công nên có căn cứ xác định phần đất có miếu thổ công đến cây chè do gia đình bị đơn canh tác, quản lý sử dụng. Đối với thửa đất 367 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 diện tích 2017m^2 có 01 phần diện tích 634 m^2 hiện đang tranh chấp, phần còn lại do nguyên đơn đang quản lý, trên phần đất không tranh chấp có các cây hồi lâu năm do gia đình nguyên đơn trồng, được bị đơn thừa nhận. Do đó, cần giao cho mỗi bên quản lý một phần diện tích đất tranh chấp phù hợp với hiện trạng và bản đồ lâm nghiệp, cụ thể giao cho nguyên đơn được quản lý phần diện tích 552,6m^2 thuộc thửa 367, giao cho bị đơn quản lý 485m^2, bao gồm toàn bộ 403,6m^2 thuộc thửa 379 và 81,4m^2 thuộc thửa 367 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 (phần đất có miếu thổ công).

[14] Về tài sản trên đất, các bên đương sự đều trình bày thống nhất trên đất tranh chấp có 25 cây keo do nguyên đơn trồng, 19 cây bạch đàn do bị đơn trồng, 02 cây sau sau và 01 cây khảo cài mọc tự nhiên, 01 miếu thổ công do gia đình bị đơn xây dựng, 11 cây chè không thống nhất được ai trồng. Đối với 25 cây keo và 19 cây bạch đàn, các đương sự đều yêu cầu nếu giao đất cho mình thì buộc bên kia di dời cây do bên kia trồng, nếu giao đất cho bên kia thì giao cho bên kia các cây cối do mình trồng và không yêu cầu bên kia phải hoàn trả giá trị tiền cây. Riêng miếu thổ công, ông Nông Văn T không nhất trí di dời. Đối với 02 cây sau sau và 01 cây khảo cài mọc tự nhiên và 11 cây chè, các bên đương sự đều thống nhất cây mọc trên phần đất giao cho ai thì thuộc quyền quản lý của người đó. Căn cứ công văn số 46/NN&PTNN ngày 15/7/2020 của Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Văn Quan khẳng định đối với các cây bạch đàn trồng năm 2012 và cây keo trồng năm 2018 nếu di dời thì tỉ lệ sống đối với bạch đàn là 0%, đối với keo là 30 – 40%, chi phí di dời tốn kém. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo sự phát triển tốt cho cây trồng và lợi ích cho các bên đương sự, cần giao cho nguyên đơn quản lý toàn bộ cây trồng trên phần đất 552,6m^2 thuộc thửa 367 được giao quản lý, giao cho bị đơn quản lý toàn bộ cây trồng và miếu thổ công trên phần đất 485m^2 được giao quản lý. Các bên không phải hoàn trả giá trị cây trồng cho nhau.

[15] Về việc bồi thường thiệt hại về tài sản, bên nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại 108 cây keo do bị đơn chặt phá với số tiền 864.000 đồng. Bị đơn không nhất trí bồi thường do khi nguyên đơn trồng, bị đơn đã ngăn cản và yêu cầu Trưởng thôn Khòn Coọng lập biên bản. Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn đã có tranh chấp quyền sử dụng đất từ năm 2012, khi nguyên đơn trồng keo, bị đơn đã phản đối thể hiện tại biên bản về việc trồng keo ngày 29/4/2018 do Trưởng thôn Khòn Coọng lập nên việc nguyên đơn tiếp tục trồng keo xuống đất tranh chấp là không hợp pháp. Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn cũng không chứng minh được toàn bộ quyền sử dụng đất của mình là hợp pháp, không xác định được vị trí các cây keo bị chặt, quá trình xem xét thẩm định tại chỗ không tìm thấy gốc cây nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn.

[16] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và giám định tư pháp hết 12.673.000 đồng. Do các bên không thống nhất được nghĩa vụ chịu chi phí nên mỗi bên phải chịu chi phí tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận, đồng thời nguyên đơn phải chịu chi phí đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút. Cụ thể, bên nguyên đơn phải chịu 6.159.000 đồng, bên bị đơn phải chịu 6.514.000 đồng chí phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và giám định tư pháp. Bên nguyên

đơn đã thanh toán toàn bộ chi phí nêu trên nên bị đơn có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 6.514.000 đồng.

[17] Về án phí, do Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Tại phiên tòa, bị đơn nộp đơn đề nghị miễn án phí, có xác nhận của chính quyền địa phương. Xét thấy bị đơn là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[18] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2,6,9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1,5 Điều 157, Điều 158, khoản 1,2,5 Điều 161, Điều 162, khoản 1,5 Điều 165, Điều 166, Điều 228, Điều 229, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 158, 221 Bộ luật Dân sự; Điều 46,75, 105, 107 Luật Đất đai năm 2003; Điều 4,12, 26, 95, 135,166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 điều 24, khoản 1,4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Giao cho bà Nông Thị K được quyền quản lý, sử dụng 552,6m^2 thuộc thửa 367 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 xã V (nay là xã L), huyện V, tỉnh Lạng Sơn có cách cạnh được xác định bởi các điểm ABC54321N. Bị đơn Nông Văn T được quyền quản lý sử dụng 485m^2 đất trong đó có 403,6m^2 thuộc thửa 379 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 có các cạnh được xác định bởi các điểm N1234EFGHVLM và 81,4m^2 thuộc thửa 367 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 có các cạnh được xác định bởi các điểm 456DE. Vị trí các cạnh thể hiện trên Phụ lục sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo. Nguyên đơn, bị đơn có nghĩa vụ kê khai đăng ký đất đai với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Về tài sản trên đất: Bà Nông Thị K được quyền sở hữu các tài sản gồm: 01 cây sau sau, 20 cây keo, 09 cây bạch đàn và 03 cây chè trên phần diện tích đất được giao quản lý. Ông Nông Văn T được quyền sở hữu các tài sản gồm: 10 cây bạch đàn, 05 cây keo, 01 cây khảo cài, 01 cây sau sau và 08 cây chè, 01 miếu thổ công có kích thước 1m x 1,2m trên phần đất được giao quản lý. Các bên đương sự không phải hoàn trả giá trị cây trồng cho nhau.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần diện tích đất 36,6m^2 gồm 29,1m^2 thuộc thửa 46 và 7,5m^2 thuộc thửa 47 tờ bản đồ địa chính số 20 có các cạnh được xác định bởi các điểm HKLV thể hiện trên trên Phụ lục sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo và tài sản trên đất là 01 cây sau sau.

3. Về bồi thường thiệt hại: Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 864.000 đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Nông Thị K phải chịu 6.159.000 đồng, ông Nông Văn T phải chịu 6.514.000 đồng chí phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và giám định bản đồ. Bà Nông Thị K đã thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên. Ông Nông Văn T có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Nông Thị K số tiền 6.514.000 đồng.

5. Về án phí: Bà Nông Thị K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản để sung ngân sách nhà nước. Số tiền trên được trừ vào số tiền 1.020.000 đồng tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2012/03846 ngày 27/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Trả lại cho bà Nông Thị K 420.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Nông Văn T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành á n dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Hường